

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 24 – 3 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

□ □□□

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Bà **Nguyễn Thị Sương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Chanh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2021/TLST– HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Lệ H** (**Nguyễn Thị Lệ H**), sinh năm 1968 (Vắng mặt)

* Bị đơn: Ông **Trần Thanh D**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp Bình Q, xã Ngãi T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà **Hồ Thị Lệ H** trình bày:

Vào năm 1986 hôn nhân do mai mối, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình bà H và ông D tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 22 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi gay gắt nên ly thân vào năm 2008 cho đến nay. Hiện bà H không còn tình cảm với ông D nên

yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Bích C, sinh ngày 06/01/1988 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/7/1990 (đã trưởng thành). Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Hồ Thị Lệ H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là ông Trần Thanh D đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoa cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Ông D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện bà Hoa yêu cầu được ly hôn với ông D là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D. Bà Hồ Thị Lệ H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét về hôn nhân: Năm 1986, bà H và ông D sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP thì việc bà H, ông D xác lập hôn nhân trước ngày 03/01/1987 (ngày luật HNGĐ năm 1986 có hiệu lực) thì vẫn xem là vợ, chồng hợp pháp. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Bà H và ông D có thời gian sống ly thân từ năm 2008 đến nay không trở về đoàn tụ. Bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với ông Diệp. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa bà H và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà H và ông D.

[4]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Bích C, sinh ngày 06/01/1988 và Trần Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/7/1990 (đã trưởng thành).

[5]. Về tài sản chung: Bà H bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà H trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N 0010374 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên bà H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Lệ H.

- Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Lệ H được ly hôn với ông Trần Thanh D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Bích C, sinh ngày 06/01/1988 và Trần Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/7/1990 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Bà H trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N 0010374 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên bà H không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Bà H, ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi